TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 21

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Làm tròn số 293,827 đến số tự nhiên gần nhất ta được:

A. 293,8 **B.** 293 **C.** 294 **D.** 296

Câu 2. Trong số thập phân 798,392, chữ số 3 thuộc hàng nào?

A. hàng phần mười **B.** hàng đơn vị

C. hàng phần nghìn **D.** hàng phần trăm

Câu 3. 76,1 × 10 = ……

A. 7,61 **B.** 761 **C.** 0,761 **D.** 7610

Câu 4. Kết quả của phép tính 9/5 : 5/7 (viết dưới dạng phân số tối giản) là:

A. 45/12 **B.** 63/25 **C.** 126/25 **D.** 9/7

Câu 5. 7 ha = …… m²

A. 7000 **B.** 700 **C.** 70 000 **D.** 700 000

Câu 6. Hình tam giác có độ dài đáy 26 cm, chiều cao 11 cm. Diện tích hình tam giác là:

A. 143 cm² **B.** 74 cm² **C.** 37 cm² **D.** 286 cm²

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 1 ha = 1 000 m²	
b) Nhân một số thập phân với 0,1 ta chuyển dấu phẩy sang trái một chữ số	
c) 0,5 = 0,50	
d) Phân số 3/4 viết được thành số thập phân 0,75	

Bài 2. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 829,32 + 27,8 = ……

b) 373,9 − 17,29 = ……

c) 33,7 × 6,2 = ……

d) 5,6 : 3,5 = ……

Bài 3. Tính bằng cách thuận tiện:

a) $2,5 \times 4,51 \times 4 =$ ……

b) $11,99 \times 7,2 + 11,99 \times 2,8 =$ ……

c) $34,5 + 34,3 + 3,5 + 1,7 =$ ……

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 1 m 8 cm = …… m

b) 3 kg 10 g = …… kg

c) 6 km^2 = …… ha

d) 8400 m^2 = …… ha

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3,14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 9 cm: …… cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 9 cm: …… cm^2

c) Chu vi hình tròn đường kính 14 dm: …… dm

Bài 6. Một tổ may cắt 5 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 3,1 m vải. Giá mỗi mét vải là 120 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 21

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	A	B	B	C	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) S; b) Đ; c) Đ; d) Đ

Bài 2.

a) 829,32 + 27,8 = 857,12

b) 373,9 − 17,29 = 356,61

c) 33,7 × 6,2 = 208,94

d) 5,6 : 3,5 = 1,6

Bài 3.

a) (2,5 × 4) × 4,51 = 10 × 4,51 = 45,1

b) 11,99 × (7,2 + 2,8) = 11,99 × 10 = 119,9

c) (34,5 + 3,5) + (34,3 + 1,7) = 38 + 36 = 74

Bài 4.

a) 1,08

b) 3,01

c) 600

d) 0,84

Bài 5.

a) 9 × 2 × 3,14 = 56,52

b) 9 × 9 × 3,14 = 254,34

c) 14 × 3,14 = 43,96

Bài 6.

Số vải: 3,1 × 5 = 15,5 (m)

Số tiền: 120 000 × 15,5 = 1 860 000 (đồng)